



# **Công ty Cổ phần Cà phê Phước An**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



# Công ty Cổ phần Cà phê Phước An

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 31

# Công ty Cổ phần Cà phê Phước An

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cà phê Phước An ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 6000183273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20 tháng 6 năm 1996 và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 13 ngày 18 tháng 8 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km26, Quốc lộ 26, Xã Ea Yông, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch
Ông Hồ Sỹ Trung	Phó chủ tịch
Bà Trần Thị Lệ	Thành viên
Ông Lê Nguyên Hòa	Thành viên
Ông Trương Quang Tuấn	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Tri	Trưởng Ban
Bà Trần Thị Kim Oanh	Thành viên
Ông Phan Khắc Lăng	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hồ Sỹ Trung	Tổng Giám đốc
Ông Trần Quang Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Kim Nhung	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hồ Sỹ Trung.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Cà phê Phước An

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cà phê Phước An ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Hồ Sỹ Trung  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Ngày 7 tháng 8 năm 2019

Số tham chiếu: 61438888/20671388

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Cà phê Phước An**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cà phê Phước An (“Công ty”) được lập ngày 7 tháng 8 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31 bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### ***Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ***

Như được trình bày trong Thuyết minh số 12 của báo cáo tài chính, Công ty đang ghi nhận chi phí hoạt động kinh doanh phát sinh trước ngày chuyển đổi thành công ty cổ phần (ngày 1 tháng 9 năm 2017) với tổng số tiền 90.130.947.347 VND vào chỉ tiêu “Chi phí trả trước dài hạn” trên bảng cân đối kế toán và phân bổ trong thời hạn 3 năm. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã phân bổ 30.043.649.116 VND (cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 9 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017: 10.014.549.705 VND) vào chi phí quản lý doanh nghiệp, dẫn tới số dư còn lại vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 50.191.826.705 VND (vào ngày 31 tháng 12 năm 2017: 80.116.397.642 VND) đang được phản ánh trên khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” trên bảng cân đối kế toán. Theo quy định hiện hành, toàn bộ chi phí hoạt động này phải được ghi nhận vào chi phí ngay khi phát sinh. Nếu Công ty ghi nhận phù hợp với các quy định hiện hành, trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, chỉ tiêu “Chi phí trả trước dài hạn” sẽ giảm với số tiền là 50.191.826.705 VND và chỉ tiêu “Lỗi lũy kế đến cuối kỳ trước” sẽ tăng với cùng giá trị là 80.116.397.642 VND, và chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ giảm một khoản là 30.043.649.116 VND.



### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Các vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.2 của báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Như được trình bày trong báo cáo tài chính, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần trong năm là 34.677.076.765 VND và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, gánh chịu khoản lỗ lũy kế là 69.907.211.753 VND. Ngoài ra, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt hơn tài sản ngắn hạn với số tiền là 118.518.063.517 VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.5 của báo cáo tài chính, Công ty đã lập báo cáo tài chính cho niên độ kế toán đầu tiên sau khi cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần từ ngày 1 tháng 9 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Do đó, các dữ liệu tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính như được trình bày là không so sánh được với các dữ liệu của năm hiện tại.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Lê Vũ Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1588-2018-004-1

Bùi Văn Cường  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 4600-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 7 tháng 8 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018


VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>94.404.352.171</b>	<b>169.465.394.051</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>17.061.347.905</b>	<b>89.947.551.545</b>
111	1. Tiền		17.061.347.905	89.947.551.545
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>13.114.640.666</b>	<b>11.548.887.328</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	746.230.000	1.513.807.632
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	376.005.682	255.066.482
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	1.391.900.000	223.169.300
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	12.457.306.194	12.158.988.892
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(1.856.801.210)	(2.602.144.978)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>63.897.143.063</b>	<b>67.738.622.578</b>
141	1. Hàng tồn kho		63.897.143.063	67.738.622.578
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>331.220.537</b>	<b>230.332.600</b>
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ	14	240.496.523	60.431.369
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	90.724.014	169.901.231
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>188.884.408.031</b>	<b>234.354.411.383</b>
<b>210</b>	<b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>		<b>222.000.000</b>	<b>1.562.000.000</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	6	-	1.340.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	222.000.000	222.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>126.400.968.761</b>	<b>141.884.374.752</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	125.230.008.761	140.627.734.752
222	Nguyên giá		297.588.738.156	298.341.472.270
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(172.358.729.395)	(157.713.737.518)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	1.170.960.000	1.256.640.000
228	Nguyên giá		1.285.200.000	1.285.200.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(114.240.000)	(28.560.000)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>10.596.103.845</b>	<b>8.875.245.615</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	10.596.103.845	8.875.245.615
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>51.665.335.425</b>	<b>82.032.791.016</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	51.665.335.425	82.032.791.016
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>283.288.760.202</b>	<b>403.819.805.434</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số đầu năm	Số cuối năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>216.916.076.431</b>	<b>302.770.044.898</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>212.922.415.688</b>	<b>292.751.384.155</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	37.736.987.936	29.773.178.940
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	1.330.235.000	575.263.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	5.197.488.126	5.839.300.823
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		2.423.813.640	-
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	20.473.737.224	92.604.008.832
320	6. Vay ngắn hạn	17	145.649.369.929	163.825.027.841
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		110.783.833	134.604.719
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>3.993.660.743</b>	<b>10.018.660.743</b>
338	1. Vay dài hạn	17	2.503.136.243	8.528.136.243
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	16	1.490.524.500	1.490.524.500
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>66.372.683.771</b>	<b>101.049.760.536</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>66.372.683.771</b>	<b>101.049.760.536</b>
411	1. Vốn cổ phần		136.279.895.524	136.279.895.524
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		136.279.895.524	136.279.895.524
411a			(69.907.211.753)	(35.230.134.988)
421	2. Lỗ lũy kế		(35.230.134.988)	-
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(34.677.076.765)	(35.230.134.988)
421b	- Lỗ năm nay			
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>283.288.760.202</b>	<b>403.819.805.434</b>

  
Lê Văn Khuân  
Người lập

  
Phan Việt Lâm  
Kế toán trưởng

  
Hồ Sỹ Trung  
Tổng Giám đốc



Ngày 7 tháng 8 năm 2019




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 9 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	19.1	197.748.017.560	18.335.835.969
11	2. Giá vốn hàng bán	20	(180.920.436.923)	(16.063.533.310)
20	3. Lợi nhuận gộp		16.827.580.637	2.272.302.659
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	1.015.030.937	52.816.272
22	5. Chi phí tài chính	21	(11.822.494.189)	(4.616.778.410)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(11.456.132.698)	(4.601.772.375)
25	6. Chi phí bán hàng	22	(4.816.403.496)	(903.404.593)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(35.728.778.698)	(14.812.705.517)
30	8. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(34.525.064.809)	(18.007.769.589)
31	9. Thu nhập khác	23	29.786.481	35.654.780
32	10. Chi phí khác	23	(181.798.437)	(290.754.892)
40	11. Lỗ khác	23	(152.011.956)	(255.100.112)
50	12. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(34.677.076.765)	(18.262.869.701)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	-	-
60	14. Lỗ thuần sau thuế TNDN		(34.677.076.765)	(18.262.869.701)

  
Lê Văn Khuân  
Người lập

  
Phan Viết Lâm  
Kế toán trưởng

  
Hồ Sỹ Trung  
Tổng Giám đốc



Ngày 7 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 9 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>		<b>(34.677.076.765)</b>	<b>(18.262.869.701)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	15.244.589.031	5.010.202.183
03	Các khoản dự phòng		(745.343.768)	4.092.669.478
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		5.252.356	15.003.749
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(472.279.539)	(32.965.212)
06	Chi phí lãi vay	21	11.456.132.698	4.601.772.375
<b>08</b>	<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(9.188.725.987)</b>	<b>(4.576.187.128)</b>
09	Giảm các khoản phải thu		418.702.493	3.485.091.417
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		3.576.691.782	(37.894.977.850)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(64.053.303.309)	21.502.556.501
12	Giảm chi phí trả trước		30.367.455.591	10.327.867.724
14	Tiền lãi vay đã trả		(9.494.439.232)	(4.639.869.811)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(23.820.886)	(60.696.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(48.397.439.548)</b>	<b>(11.856.215.147)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(899.372.530)	(98.580.000)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		46.681.818	32.965.212
27	Tiền thu lãi tiền gửi		569.836.888	-
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(282.853.824)</b>	<b>(65.614.788)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	17	340.265.495.618	149.568.119.592
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	17	(364.466.153.530)	(136.822.805.865)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính</b>		<b>(24.200.657.912)</b>	<b>12.745.313.727</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 9 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		<b>(72.880.951.284)</b>	<b>823.483.792</b>
60	Tiền đầu năm		<b>89.947.551.545</b>	<b>89.124.170.503</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(5.252.356)	(102.750)
70	Tiền cuối năm	4	<b>17.061.347.905</b>	<b>89.947.551.545</b>



Lê Văn Khuân  
Người lập



Phan Viết Lâm  
Kế toán trưởng



Hồ Sỹ Trung  
Tổng Giám đốc

Ngày 7 tháng 8 năm 2019



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cà phê Phước An (“Công ty”) được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 6000183273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20 tháng 6 năm 1996 và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 13 ngày 18 tháng 8 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km26, Quốc lộ 26, Xã Ea Yông, Huyện Krông Păk, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 57 (31 tháng 12 năm 2017: 57).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Việt Nam Đồng (“VND”) và được lập theo Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Như được trình bày trong báo cáo tài chính, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 34.677.076.765 VND và cũng tại ngày này, gánh chịu khoản lỗ lũy kế là 69.907.211.753 VND. Ngoài ra, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt hơn tài sản ngắn hạn với số tiền là 118.518.063.517 VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty nếu không nhận được sự hỗ trợ liên tục về mặt tài chính từ chủ sở hữu. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh Dưỡng Nutifood – công ty mẹ, đã cam kết có đủ khả năng và sẽ tiếp tục hỗ trợ về mặt tài chính để Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo.

Theo đó, báo cáo tài chính không bao gồm các bút toán điều chỉnh liên quan đến khả năng thu hồi và việc phân loại các khoản mục tài sản đã hạch toán hoặc các khoản mục và việc phân loại các khoản mục công nợ có thể cần thiết trong trường hợp Công ty không thể tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Giả định này tùy thuộc vào các sự kiện tương lai và kết quả của nó mang tính không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY** (tiếp theo)

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.5 Thông tin so sánh**

Công ty đã lập báo cáo tài chính cho niên độ kế toán đầu tiên sau khi cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần từ ngày 1 tháng 9 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Do đó, các dữ liệu tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính như được trình bày là không so sánh được với các dữ liệu của năm hiện tại.

**2.6 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và hàng hóa - giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm - giá vốn nguyên vật liệu và nhân công trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Vườn cây lâu năm	5 - 20 năm
Phương tiện vận chuyển	10 năm
Thiết bị và dụng cụ quản lý	5 - 8 năm
Tài sản khác	5 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

#### 3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về đầu tư dự án trồng bơ, sầu riêng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

#### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa theo như nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ trước báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.13 Phân chia lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên:

*Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.15 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế, hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.16 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.967.757.984	2.212.754.690
Tiền gửi ngân hàng (*)	15.093.589.921	87.734.796.855
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.061.347.905</b>	<b>89.947.551.545</b>

(\*) Trong đó bao gồm một khoản trị giá 12.887.532.719 VND bị phong tỏa tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn theo Điều 6, Thông tư 196/2011/TT-BTC về việc Hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ Phần Thương mại Cà Phê Quang Minh	740.880.000	-
ACMA Asia Pte.Ltd.	-	1.376.477.712
Ông Nguyễn Văn Quý	-	121.967.120
Khác	5.350.000	15.362.800
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>746.230.000</b>	<b>1.513.807.632</b>

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Lê Văn Khuân	240.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Tư Vấn Tài chính - Kế toán và Kiểm toán Nam Việt	49.000.000	-
Trung tâm Nghiên cứu và Quan trắc Môi trường Nông nghiệp Miền Trung và Tây Nguyên	41.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ - Vệ sỹ Chuyên nghiệp Đại Hải	-	90.000.000
Trung Tâm Tư vấn Pháp luật - Hiệp hội Tỉnh Đắk Lắk	-	60.000.000
Ông Đặng Khắc Khánh	-	43.585.800
Khác	46.005.682	61.480.682
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>376.005.682</b>	<b>255.066.482</b>

**6. PHẢI THU VỀ CHO NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.391.900.000</b>	<b>223.169.300</b>
Ông Trương Quang Tuấn	1.140.000.000	-
Ông Phan Viết Lâm	200.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Quý	-	160.269.300
Khác	51.900.000	62.900.000
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>1.340.000.000</b>
Ông Trương Quang Tuấn	-	1.140.000.000
Ông Phan Viết Lâm	-	200.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.391.900.000</b>	<b>1.563.169.300</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	<i>1.340.000.000</i>	<i>1.340.000.000</i>
<i>Bên thứ ba</i>	<i>51.900.000</i>	<i>223.169.300</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>12.457.306.194</b>	<b>12.158.988.892</b>
Phải thu các hộ dân về hao hụt khoán sản phẩm tại vườn Cà phê An Thuận	6.379.716.820	5.627.878.308
Tạm ứng cho nhân viên	2.546.506.706	2.876.402.916
Phải thu về chuyển nhượng vườn cây	1.186.022.954	1.211.022.954
Chi phí trả hộ	871.310.572	943.781.224
Khác	1.473.749.142	1.499.903.490
<b>Dài hạn</b>	<b>222.000.000</b>	<b>222.000.000</b>
Ký cược, ký quỹ dài hạn	222.000.000	222.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.679.306.194</b>	<b>12.380.988.892</b>
Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.856.801.210)	(2.602.144.978)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>10.822.504.984</b>	<b>9.778.843.914</b>

Chi tiết dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày như sau:

	VND	
	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 9 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017
Số đầu năm	2.602.144.978	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	2.602.144.978
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(745.343.768)	-
Số cuối năm	1.856.801.210	2.602.144.978

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	31.525.313.011	40.925.102.071
Thành phẩm	13.671.082.715	19.295.664.821
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.106.742.769	6.882.324.290
Nguyên liệu, vật liệu	444.664.396	516.491.578
Công cụ và dụng cụ	149.340.172	119.039.818
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>63.897.143.063</b>	<b>67.738.622.578</b>



# Công ty Cổ phần Cà phê Phước An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Vườn cây lâu năm	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị và dụng cụ quân lý	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>							VND
Số đầu năm	85.544.599.767	40.232.689.884	168.679.409.892	1.900.000.000	1.485.450.000	499.322.727	298.341.472.270
Mua mới	-	63.000.000	-	-	-	-	63.000.000
Thanh lý	(414.259.114)	(401.475.000)	-	-	-	-	(815.734.114)
Số cuối năm	85.130.340.653	39.894.214.884	168.679.409.892	1.900.000.000	1.485.450.000	499.322.727	297.588.738.156
<b>Trong đó:</b>							
Đã khấu hao hết	132.000.000	-	-	-	-	-	132.000.000
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>							
Số đầu năm	(39.145.365.795)	(21.473.460.308)	(95.154.804.470)	(1.043.798.435)	(797.599.724)	(98.708.786)	(157.713.737.518)
Khấu hao trong năm	(5.971.140.599)	(4.012.491.689)	(4.642.064.757)	(173.970.564)	(259.376.881)	(99.864.541)	(15.158.909.031)
Thanh lý	256.681.321	257.235.833	-	-	-	-	513.917.154
Số cuối năm	(44.859.825.073)	(25.228.716.164)	(99.796.869.227)	(1.217.768.999)	(1.056.976.605)	(198.573.327)	(172.358.729.395)
<b>Giá trị còn lại</b>							
Số đầu năm	46.399.233.972	18.759.229.576	73.524.605.422	856.201.565	687.850.276	400.613.941	140.627.734.752
Số cuối năm	40.270.515.580	14.665.498.720	68.882.540.665	682.231.001	428.473.395	300.749.400	125.230.008.761
<b>Trong đó:</b>							
Tài sản thế chấp	39.884.815.580	3.638.451.251	68.882.540.665	682.231.001	17.213.793	300.749.400	113.406.001.690

Tài sản cố định hữu hình của Công ty với giá trị là 113.406.001.690 VND đã được sử dụng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 17).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>VND</i> <i>Quyền sử dụng đất</i>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm và số cuối năm	1.285.200.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số đầu năm	(28.560.000)
Hao mòn trong năm	(85.680.000)
Số cuối năm	(114.240.000)
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	1.256.640.000
Số cuối năm	1.170.960.000

Tài sản cố định vô hình của Công ty với giá trị là 1.285.200.000 VND đã được sử dụng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ ngân hàng (*Thuyết minh số 17*).

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí phát triển dự án vườn trái cây lâu năm	8.686.823.613	7.884.012.663
Chi phí lãi vay	1.304.544.300	842.424.126
Khác	604.735.932	148.808.826
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.596.103.845</b>	<b>8.875.245.615</b>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí hoạt động kinh doanh (i)	50.191.826.705	80.116.397.642
Giá trị lợi thế kinh doanh (ii)	1.473.508.720	1.524.319.365
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	392.074.009
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>51.665.335.425</b>	<b>82.032.791.016</b>

(i) Đây là chi phí giá vốn hàng bán, chi phí lãi vay, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp với tổng số tiền là 90.130.947.347 VND vào ngày 31 tháng 8 năm 2017. Các chi phí này phát sinh trước khi chuyển đổi từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần và Ban Tổng Giám đốc sẽ phân bổ trong 3 năm vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2017.

(ii) Đây là lợi thế kinh doanh của Công ty được xác định khi chuyển đổi công ty nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định 43/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt giá trị cổ phần hóa. Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong thời hạn 10 năm theo Thông tư số 127/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2014 kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**13.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả hộ dân về vượt khoán sản phẩm cà phê	35.744.581.236	26.963.535.500
Công ty TNHH Du lịch Hồ Gia Ban Mê	1.687.506.700	-
Công ty TNHH MTV Cà Phê - Ca Cao Tháng 10	-	1.145.725.000
Khác	304.900.000	1.663.918.440
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>37.736.987.936</u></b>	<b><u>29.773.178.940</u></b>

**13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Huyền Thoại Núi	982.812.000	454.000.000
Công ty Cổ phần Quốc Tế Sư Tử Vàng	125.160.000	58.000.000
Công ty TNHH Cà Phê Tha Ty	215.000.000	56.000.000
Khác	7.263.000	7.263.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.330.235.000</u></b>	<b><u>575.263.000</u></b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Tiền thuê đất phải nộp nhà nước	5.839.300.823	1.945.261.935	(2.593.384.874)	5.191.177.884
Thuế giá trị gia tăng	(60.431.369)	866.318.449	(1.046.383.603)	(240.496.523)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(157.714.506)	75.620.106	-	(82.094.400)
Thuế thu nhập cá nhân	(3.557.111)	134.161.565	(124.294.212)	6.310.242
Thuế khác	(8.629.614)	9.187.403	(9.187.403)	(8.629.614)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.608.968.223</u></b>	<b><u>3.030.549.458</u></b>	<b><u>(3.773.250.092)</u></b>	<b><u>4.866.267.589</u></b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu</i>	<i>(230.332.600)</i>			<i>(331.220.537)</i>
<i>Phải trả</i>	<i>5.839.300.823</i>			<i>5.197.488.126</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
		<i>VND</i>
Phải trả về cổ phần hóa cho nhà nước	17.123.272.210	89.826.946.910
Phải trả về cổ phần hóa cho hộ dân nhận khoán vườn cây	2.598.672.808	2.598.672.808
Bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	324.141.407	20.547.144
Các khoản khác	427.650.799	157.841.970
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>20.473.737.224</u></b>	<b><u>92.604.008.832</u></b>

**16. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả.



## Công ty Cổ phần Cà phê Phước An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 17. VAY

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm
	Đi vay	Trả nợ gốc vay	Phân loại lại		
<b>Ngắn hạn</b>	<b>163.825.027.841</b>	<b>340.265.495.618</b>	<b>(359.541.153.530)</b>	<b>1.100.000.000</b>	<b>145.649.369.929</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.1)	145.301.250.591	269.265.495.618	(322.187.376.280)	-	92.379.369.929
Vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 26)	-	42.000.000.000	-	-	42.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17.2)	7.183.777.250	-	(7.183.777.250)	1.100.000.000	1.100.000.000
Vay từ cá nhân (Thuyết minh số 17.3)	11.340.000.000	29.000.000.000	(30.170.000.000)	-	10.170.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>8.528.136.243</b>	<b>-</b>	<b>(4.925.000.000)</b>	<b>(1.100.000.000)</b>	<b>2.503.136.243</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.2)	8.528.136.243	-	(4.925.000.000)	(1.100.000.000)	2.503.136.243
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>172.353.164.084</b>	<b>340.265.495.618</b>	<b>(364.466.153.530)</b>	<b>-</b>	<b>148.152.506.172</b>

### 17.1 Vay ngắn hạn

Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 9 và 10)
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk	81.998.565.929	Từ ngày 14 tháng 1 năm 2019 đến ngày 20 tháng 4 năm 2019	Từ 7,0 đến 8,0	Quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc và vườn cây lâu năm tại Km 26, Quốc lộ 26, Huyện Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk ("Phước An"); Quyền sử dụng đất và vườn cây lâu năm tại Km 67, Quốc lộ 14, Huyện Krông Búk, Tỉnh Đắk Lắk ("An Thuận")
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	10.380.804.000	Từ ngày 7 tháng 3 năm 2019 đến ngày 24 tháng 3 năm 2019	6,5	Quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc tại Văn phòng An Thuận; trung tâm giới thiệu sản phẩm (CADA), máy móc và phương tiện vận tải
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>92.379.369.929</b>			

## Công ty Cổ phần Cà phê Phước An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 17. VAY (tiếp theo)

#### 17.2 Vay dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 9 và 10)
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk	1.964.171.500	Ngày 11 tháng 12 năm 2020	9,0	Quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc và vườn cây lâu năm tại Phước An; quyền sử dụng đất và vườn cây lâu năm tại An Thuận
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	1.638.964.743	Từ ngày 10 tháng 12 năm 2019 đến ngày 13 tháng 2 năm 2020	8,5	Quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc tại Văn phòng An Thuận; trung tâm giới thiệu sản phẩm (CADA)

#### TỔNG CỘNG

**3.603.136.243**

Trong đó:

Nợ dài hạn đến hạn trả

Nợ dài hạn

# Công ty Cổ phần Cà phê Phước An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 17. VAY (tiếp theo)

### 17.3 Vay từ các cá nhân

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân nhằm bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Đối tượng	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Bà Nguyễn Thị Hương	1.850.000.000	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2019 đến ngày 28 tháng 3 năm 2019	9,6	Tín chấp
Bà Lê Thị Tú	1.580.000.000	Ngày 22 tháng 1 năm 2019	9,6	Tín chấp
Ông Phạm Hồ Ngọc Phước	1.500.000.000	Ngày 16 tháng 1 năm 2019	9,6	Tín chấp
Bà Hồ Thị Trà Mi	1.650.000.000	Từ ngày 18 tháng 2 năm 2019 đến ngày 30 tháng 5 năm 2019	9,6	Tín chấp
Ông Lê Văn Khuân	1.200.000.000	Ngày 16 tháng 1 năm 2019	9,6	Tín chấp
Ông Phan Trường Lâm	1.000.000.000	Ngày 22 tháng 1 năm 2019	9,6	Tín chấp
Ông Nguyễn Xuân Huy	500.000.000	Ngày 19 tháng 2 năm 2019	9,6	Tín chấp
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân	100.000.000	Ngày 16 tháng 1 năm 2019	9,6	Tín chấp
Bà Nguyễn Thị Nhị Hà	400.000.000	Ngày 20 tháng 2 năm 2019	9,6	Tín chấp
Ông Phan Khắc Lăng	240.000.000	Ngày 16 tháng 1 năm 2019	9,6	Tín chấp
Ông Nguyễn Văn Hải	150.000.000	Ngày 6 tháng 3 năm 2019	9,6	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.170.000.000</u></b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1. Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 9 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>			
Ngày 31 tháng 8 năm 2017	136.279.895.524	(16.967.265.287)	119.312.630.237
Lỗi thuần trong kỳ	-	(18.262.869.701)	(18.262.869.701)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>136.279.895.524</u>	<u>(35.230.134.988)</u>	<u>101.049.760.536</u>
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>			
Số đầu năm	136.279.895.524	(35.230.134.988)	101.049.760.536
Lỗi thuần trong năm	-	(34.677.076.765)	(34.677.076.765)
Số cuối năm	<u>136.279.895.524</u>	<u>(69.907.211.753)</u>	<u>66.372.683.771</u>

**18.2. Chi tiết vốn cổ phần**

	Số cuối năm		
	Cổ phiếu phổ thông	% sở hữu	Vốn cổ phần đã góp (VND)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Nutifood	8.267.808	60,67	82.678.080.000
Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk	4.769.796	35,00	47.697.960.000
Đối tượng khác	590.386	4,33	5.903.855.524
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>13.627.990</b></u>	<u><b>100,0</b></u>	<u><b>136.279.895.524</b></u>

**19. DOANH THU**

**19.1 Doanh thu thuần về bán hàng**

	VND	
	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 9 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Doanh thu thuần về bán hàng</b>	<u><b>197.748.017.560</b></u>	<u><b>18.335.835.969</b></u>
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	168.326.684.607	13.587.872.010
Doanh thu bán hàng hóa	29.169.198.778	4.647.818.962
Doanh thu khác	252.134.175	100.144.997



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. DOANH THU** (tiếp theo)

**19.2 Doanh thu từ hoạt động tài chính**

	VND	
	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 9 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Lãi tiền gửi và lãi cho vay	540.194.540	32.965.212
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	445.194.049	19.851.060
Khác	29.642.348	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.015.030.937</u></b>	<b><u>52.816.272</u></b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	VND	
	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 9 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Giá vốn của cà phê đã bán	<u>180.920.436.923</u>	<u>16.063.533.310</u>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 9 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Chi phí lãi vay	11.456.132.698	4.601.772.375
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	22.889.245	15.006.035
Khác	343.472.246	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.822.494.189</u></b>	<b><u>4.616.778.410</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán từ</i>	
	<i>Cho năm tài chính</i>	<i>ngày 1 tháng 9 năm</i>
	<i>kết thúc ngày 31</i>	<i>2017 đến ngày 31</i>
	<i>tháng 12 năm 2018</i>	<i>tháng 12 năm 2017</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>4.816.403.496</b>	<b>903.404.593</b>
Chi phí mua ngoài	2.561.632.770	160.238.040
Lương nhân viên	669.384.464	433.545.692
Chi phí khấu hao và hao mòn	34.095.417	12.031.808
Khác	1.551.290.845	297.589.053
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>35.728.778.698</b>	<b>14.812.705.517</b>
Chi phí hoạt động kinh doanh (*)	30.043.649.116	10.014.549.705
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.862.618.976	148.814.374
Lương nhân viên	1.343.754.992	592.264.212
Chi phí mua ngoài	71.352.703	71.352.703
Trợ cấp thôi việc	-	1.490.524.500
Khác	2.407.402.911	2.495.200.023
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>40.545.182.194</b>	<b>15.716.110.110</b>

(\*) Các chi phí hoạt động kinh doanh phát sinh trước khi chuyển đổi từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần và Ban Tổng Giám đốc sẽ phân bổ trong 3 năm kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2017 vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh số 12).

**23. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán từ</i>	
	<i>Cho năm tài chính</i>	<i>ngày 1 tháng 9 năm</i>
	<i>kết thúc ngày 31</i>	<i>2017 đến ngày 31</i>
	<i>tháng 12 năm 2018</i>	<i>tháng 12 năm 2017</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>29.786.481</b>	<b>35.654.780</b>
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	-
Các khoản khác	29.786.481	35.654.780
<b>Chi phí khác</b>	<b>(181.798.437)</b>	<b>(290.754.892)</b>
Thanh lý tài sản	(97.557.349)	-
Chi phí khác	(84.241.088)	(290.754.892)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(152.011.956)</b>	<b>(255.100.112)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 9 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	166.627.145.375	12.208.793.739
Phân bổ chi phí hoạt động	30.043.649.116	10.014.549.705
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	15.244.589.031	5.010.202.183
Chi phí nhân công	2.013.139.456	1.229.574.612
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.632.985.473	504.898.395
Chi phí khác	4.904.110.666	2.811.624.786
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>221.465.619.117</u></b>	<b><u>31.779.643.420</u></b>

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty 20% lợi nhuận chịu thuế.

Do Công ty bị lỗ trong năm nên Công ty không trích thuế TNDN.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**25.1 CIT expense**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 9 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>	<b><u>(34.677.076.765)</u></b>	<b><u>(18.262.869.701)</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(6.935.415.353)	(3.652.573.940)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các chi phí không được trừ	8.324.341.259	1.284.830.395
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(149.068.754)	520.428.996
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.050.472	-
Trợ cấp thôi việc	-	298.104.900
Lỗ thuế chuyển năm sau	-	1.549.209.649
Chuyển lỗ của các năm trước	<u>(1.240.907.624)</u>	<u>-</u>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

**25.2 Lỗ tính thuế**

Lỗ thuế của Công ty khác với lỗ kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì lỗ thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**25.3 Lỗi chuyển sang từ năm trước**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 18.233.838.666 VND (2017: 24.438.376.786 VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2018	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2018
2017	2022	24.438.376.786	(6.204.538.120)	-	18.233.838.666

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại trị giá 18.233.838.666 VND do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

**25.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai:

**Các chênh lệch tạm thời**

	VND	
	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 9 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017
Lỗ tính thuế	18.233.838.666	24.438.376.786
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.856.801.210	2.602.144.978
Trợ cấp thôi việc phải trả	1.490.524.500	1.490.524.500
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	5.252.356	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.586.416.732</b>	<b>28.531.046.264</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan*

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan năm nay và năm trước như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 9 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh Dưỡng Nutifood	Công ty mẹ	Vay	42.000.000.000	-

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu về cho vay</i></b>				
Ông Trương Quang Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Cho vay	1.140.000.000	1.140.000.000
Ông Phan Viết Lâm	Kế toán trưởng	Cho vay	200.000.000	200.000.000
			<b>1.340.000.000</b>	<b>1.340.000.000</b>

***Vay ngắn hạn***

Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh Dưỡng Nutifood	Công ty mẹ	Vay	42.000.000.000	-
---	------------	-----	----------------	---

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 9 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Lương và các lợi ích khác	1.026.000.000	342.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê đất, văn phòng và nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động này được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	1.356.432.034	1.763.432.034
Từ 1 – 5 năm	1.326.727.895	2.682.842.717
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.683.159.929</b>	<b>4.446.274.751</b>

**28. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các loại ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	86.814,36	2.450,32

**29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phê duyệt quyết toán tiền thu từ bán cổ phần, quyết toán phần vốn Nhà nước của Công ty tại thời điểm chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần (ngày 1 tháng 9 năm 2017) theo Quyết định số 1424/QĐ-UBND vào ngày 18 tháng 6 năm 2019.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

  
 \_\_\_\_\_  
 Lê Văn Khuân  
 Người lập

  
 \_\_\_\_\_  
 Phan Viết Lâm  
 Kế toán trưởng

  
 \_\_\_\_\_  
 Hồ Sỹ Trung  
 Tổng Giám đốc



Ngày 7 tháng 8 năm 2019

